

VŨ THANH BẰNG\*

## KHÁI QUÁT VỀ TÍN NGƯỠNG THỜ THÀNH HOÀNG Ở HẢI PHÒNG TRƯỚC ĐỔI MỚI (NĂM 1986)

*Tóm tắt:* Khi nghiên cứu về tôn giáo, tín ngưỡng trong quá khứ thường khó khăn bởi sự đứt quãng về thời gian và nguồn tư liệu, nhưng lại cần thiết bởi góp phần chỉ ra đặc điểm lịch sử và xu hướng vận động, phát triển đã từng diễn ra. Bài viết dựa vào các nguồn sử liệu, tư liệu khảo sát, hồi ức của người dân và nghiên cứu của các học giả đi trước để tìm hiểu và góp phần làm rõ tín ngưỡng thờ thành hoàng ở Hải Phòng giai đoạn trước Đổi Mới (năm 1986) trên các phương diện cơ bản gồm niềm tin và đối tượng thờ cúng, cơ sở thờ cúng, và thực thành nghi lễ thờ thành hoàng của cộng đồng.

*Từ khóa:* Tín ngưỡng; thờ cúng; thành hoàng; Hải Phòng; trước 1986.

### Dẫn nhập

Quá trình hình thành và phát triển tín ngưỡng thờ thành hoàng ở Việt Nam trong lịch sử phản ánh những chuyển biến trong quan niệm về thần linh và thờ phụng thần linh (nghi lễ) của cộng đồng làng xã dưới tác động của thể chế và chính sách nhà nước về tế tự. Hải Phòng là một thành phố duyên hải thuộc vùng châu thổ sông Hồng, do đó mang trong mình những đặc trưng về địa lý, sinh thái, văn hóa, xã hội, tín ngưỡng và tôn giáo. Lịch sử phát triển của vùng đất, sự đa dạng về địa hình cư trú, quá trình sáp nhập đơn vị hành chính và đặc điểm cư dân đã khiến cho tín ngưỡng thờ thành hoàng ở Hải Phòng không chỉ

---

\* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Bài viết này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học cấp Bộ của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam: *Nghiên cứu tín ngưỡng thờ Thành hoàng ở Kiến Thụy, Hải Phòng* do TS. Hoàng Văn Chung (Viện Nghiên cứu Tôn giáo) làm chủ nhiệm.

Ngày nhận bài: 10/9/2021; Ngày biên tập: 30/9/2021; Duyệt đăng: 21/10/2021.

mang nét chung của tín ngưỡng vùng đồng bằng Bắc Bộ, mà còn biểu hiện những điểm riêng có.

Bài viết này dựa trên nguồn sử liệu, hồi ức của người dân, nghiên cứu của các học giả đi trước và số liệu thống kê của cơ quan quản lý ở Hải Phòng ... để tìm hiểu những đặc điểm cơ bản về: bối cảnh hình thành và phát triển, cơ sở thờ tự, đối tượng thiêng, sự linh ứng và cấm kỵ, nghi lễ và cộng đồng thờ cúng thành hoàng giai đoạn trước Đổi Mới (mốc năm 1986). Cụ thể, những tư liệu mà chúng tôi tiếp cận được chủ yếu sẽ tái hiện tín ngưỡng thờ thành hoàng ở Hải Phòng những thập niên đầu thế kỷ XX, trước Đổi mới (năm 1986), là một phần bức tranh của tôn giáo dân gian ở Hải Phòng trước quá trình hồi sinh như quan sát được sau này.

### **1. Bối cảnh của tín ngưỡng thờ thành hoàng ở Hải Phòng trước Đổi mới**

Tín ngưỡng thờ thành hoàng ở Hải Phòng ra đời và phát triển trong bối cảnh chung ở Việt Nam, nhưng gắn bó chặt chẽ với lịch sử vùng đất, đặc điểm sinh thái môi trường và cư dân Hải Phòng.

Theo *Đại Nam nhất thống chí*, dưới thời Trần, huyện An Lão, Hải Phòng thuộc về châu Đông Triều, phủ Tân An. Thời Lê, các huyện Vĩnh Lại, An Lão, Nghi Dương, Thủy Đường, An Dương... thuộc về Hải Dương và sau đó có sự thay đổi về đơn vị hành chính dưới triều Tây Sơn. Sang thời Nguyễn, vua Minh Mệnh đặt phủ Kiến Thụy kiêm cả vùng đất An Dương, phủ Kim Thành kiêm huyện An Lão, phủ Ninh Giang kiêm huyện Vĩnh Bảo. Năm 1898, triều đình lại cho gộp hai huyện An Dương và An Lão của phủ Kiến Thụy, huyện Thủy Nguyên của phủ Kinh Môn và huyện Tiên Lãng của phủ Nam Sách thành lập tỉnh Kiến An, riêng huyện Vĩnh Lại, và Vĩnh Bảo vẫn thuộc tỉnh Hải Dương<sup>1</sup>. *Đồng Khánh dư địa chí* chép rằng: phủ Kiến Thụy – nguyên là phủ Kinh Môn thời cuối thời Lê đầu thời Nguyễn. Năm Minh Mệnh 18 (1837) thì lập phủ Kiến Thụy - kiêm lý 2 huyện An Lão và Nghi Dương, thống nhất hai huyện Kim Thành và An Dương thuộc về tỉnh Hải Dương<sup>2</sup>.

Mặc dù vùng đất đã có từ lâu, song địa danh Hải Phòng thì mới xuất hiện khoảng hơn 100 năm nay, gắn với sự kiện vua Tự Đức ra

quyết định thành lập Nha Hải Phòng theo đề nghị của Tổng đốc Ninh Hải – Phạm Phú Thứ vào năm 1877<sup>3</sup>. Năm 1888, thực dân Pháp chính thức thành lập thành phố Hải Phòng, nhưng chỉ lấy một phần đất của Hải Phòng, phần còn lại ghép về tỉnh Kiến An.

Quá trình phát triển của Hải Phòng về cơ bản gắn với quá trình điều chỉnh đơn vị hành chính, công cuộc di dân, khai hoang hóa và mở rộng địa giới qua thời gian. Tâm thức tôn giáo và thực hành thờ cúng của người dân gắn với bối cảnh lịch sử và bản cảnh vùng miền. Vì thế, thờ cúng thành hoàng ở Hải Phòng vừa thể hiện đặc trưng riêng của vùng đất lõi - Kiến An, Kiến Thụy (phủ, tỉnh, huyện), vừa có mối liên hệ về “vị thế địa – lịch sử” và “bản sắc địa – văn hóa”<sup>4</sup> với các khu vực tiếp giáp thuộc tỉnh Hải Dương và Đông Triều trước đây (nay là Quảng Ninh).

Về tổng thể vùng đất “lõi” - Hải Phòng - Kiến An - Kiến Thụy có địa thế gồm cả núi non, sông rạch, biển hồ và đồng bằng. Vì thế, *người dân vùng đất này thờ sơn thần, xuyên thần, thủy thần và nhân thần*. Phần địa hình núi có phần hạn hẹp tập trung chủ yếu ở khu vực Nghi Dương và An Lão, với những núi Voi (Tượng Sơn), núi Tiên Hội, núi Phướn (Phan Sơn), núi Đồi (Đồi Sơn), núi Trà (Trà Sơn), núi Đồ (Đồ Sơn)... phổ biến có thờ thần núi là Cao Sơn, Bạch Hổ, Sơn Đào... Phủ Kiến Thụy có 3 dòng sông lớn đổ ra ba cửa biển là Văn Úc, Cửa Riêng, Cửa Do<sup>5</sup> nên phổ biến thờ thủy thần như Linh Lang Đại Vương, Thủy Phủ, Nam Hải Đại Vương... Có địa phương lại thờ cả nhiên thần lẫn nhân thần. Nhiều nhân thần gắn với vùng đất và chiến công cụ thể, như: Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng, Nam Hải Đại Vương Phạm Tử Nghi, Tây Hải Đại Vương Lý Hải<sup>6</sup>, Ngô Quyền, Trần Quốc Tuấn... Bên cạnh đó, có làng mang tâm thức địa phương, chọn thổ thần (thần đất) để thờ hay vì “muốn được bình yên, người ta đôi khi phải thờ những người, sau khi chết vào những giờ thiêng, đã biểu hiện cho dân thấy qua những rối loạn trong vùng”<sup>7</sup> mà thờ thần trẻ em, thần ăn mày chết vào giờ thiêng, có nơi lại chọn thờ thần người phương Bắc (Trung Quốc) gắn với các truyền thuyết đã được Việt hóa.

Tín ngưỡng thờ thành hoàng ở Hải Phòng xuất phát từ mối liên hệ với vùng đất tiếp giáp *Hải Dương* và *Quảng Ninh* giai đoạn trước thế

kỷ XIX, thể hiện ở một số trường hợp: thờ Danh y Tuệ Tĩnh tại đền An Lu (Thủy Nguyên) từ thế kỷ XIV, có nguồn gốc từ các cư dân ở huyện Cẩm Giàng do Phạm Viết Trinh dẫn đầu chuyển đến vùng đất này lập làng và dựng đền thờ vị thần bản quán<sup>8</sup>; thờ thần Điem Tước ở khắp vùng ven biển Đồ Sơn và Trà Cỏ; thờ Yết Kiêu (làng chài Nam Hải, Kiến Thụy) bắt nguồn từ sự kiện hơn 10 gia đình ở tổng Thượng Triệt, phủ Nam Sách mở rộng phạm vi đánh bắt cá rồi định cư tại khu vực cửa sông Văn Úc, hình thành vạ Đòng Cống, sau đổi là làng Nam Hải<sup>9</sup>.

Tín ngưỡng thờ thành hoàng ở Hải Phòng còn xuất phát từ mối liên hệ tâm thức tôn giáo: tiêu biểu là trường hợp thờ Chủ Đổng Tử ở làng Cốc Liễn (Minh Tân, Kiến Thụy), xuất phát từ sự tương đồng về môi trường tự nhiên, xã hội, giao thương mà người dân đã chọn vị thần giống phò Hiên. Hay như ở ấp Hạ Lý, người dân khi xây dựng đình mới đã chọn Nguyễn Công Trứ bổ sung vào thần điện<sup>10</sup>.

Vào đầu thế kỷ XX, sự gia tăng về dân số và mở rộng địa giới hành chính đã hình thành nhiều ngôi làng mới, với lớp thành hoàng khai canh, lập ấp mới. Tiêu biểu là các làng: Kính Trục, Thái Lai, Hòa Nghĩa, Tư Sinh, được thành lập vào khoảng năm 1909 – 1910 trong bối cảnh mở rộng tuyến đường 35 từ Hải Phòng xuống Đồ Sơn. Nhân dân ở đây đã thờ Trần Văn Mai, Trạm Đức Vũ Khôi, Lê Văn Thước là những công thần lập làng, giúp dân gây dựng đời sống trên mảnh đất mới làm thành hoàng. Riêng làng Tư Sinh thờ thần Ngô Nhược Ngu thì chưa rõ thần tích<sup>11</sup>.

Như vậy, tín ngưỡng thờ thành hoàng ở Hải Phòng trước năm 1986 nằm trong bối cảnh chung của tín ngưỡng thờ thành hoàng ở Việt Nam, đồng thời phát sinh trên bối cảnh sinh thái, văn hóa, lịch sử và tâm thức của người dân mảnh đất này.

## **2. Đặc điểm của tín ngưỡng thờ thành hoàng ở Hải Phòng trước Đổi mới**

### **2.1. Niềm tin và đối tượng thờ cúng**

Niềm tin và thực hành thờ cúng thần thành hoàng ở Hải Phòng giai đoạn trước Đổi mới xuất phát từ niềm tin của người dân vào sự tồn tại

của một hay nhiều vị thần thành hoàng có công năng bảo hộ cho ngôi làng và cộng đồng cư dân.

Dựa trên tiêu chí nguồn gốc, bản thổ và niên đại, Ngô Đăng Lợi đã tiến hành sưu tầm thành hoàng ở tất cả 552 làng xã cũ của Hải Phòng, đối chiếu với địa danh hiện nay, và sắp xếp theo lịch đại từ thời Hùng Vương về sau. Thống kê lên tới vài trăm vị thành hoàng theo cảnh thổ, danh nhân, gắn với niên đại và di tích cụ thể<sup>12</sup>. Tuy nhiên, chúng tôi thấy rằng việc định niên đại của thành hoàng ở Hải Phòng chỉ mang tính tương đối. Bởi, thần tích về vị thần được thờ trong dân gian đã không ngừng được các “tác giả thuộc nhiều thành phần, trên là các vị Hàn lâm Đông các Đại học sĩ, dưới là các viên Hương lý, Lý trưởng, các vị sinh đồ...”<sup>13</sup> sáng tạo và phủ chồng thêm lớp sắc thái diện mạo mới. Nguyễn Duy Hinh đã thống kê được 16 vị thần thuộc các xã của huyện Kiến An được phong Đương Cảnh Thành hoàng chép trong *Bách thần* (Bộ Sưu tập AE của Viện Viễn Đông Bắc Cổ). Tuy nhiên, phần đông các thần tên gọi đều làm mỹ tự<sup>14</sup>, có thần là thổ thần (Kiều Thiên Đông), hoặc chỉ định danh Đương Cảnh Thành Hoàng, Bản Cảnh Thành Hoàng gắn với địa danh (Kỳ Vĩ, Cựu Đồi, Thủy Tú, Trịnh Xá)<sup>15</sup>.

Có thể khái quát hệ thống thần thành hoàng ở Hải Phòng trước Đổi mới ở một số điểm như sau:

*Hệ thống thần linh đa dạng về nguồn gốc phản ánh tâm thức đa thần*

Xuất phát từ quan niệm về vạn vật hữu linh “đất có thổ công, sông có hà bá” mà việc thờ phụng các hiện tượng tự nhiên/thần tự nhiên đã sớm nảy nở trong đời sống của người dân Hải Phòng. Dựa vào truyền thuyết, thần tích, tục thờ thần ở Hải Phòng thì có thể thấy hệ thống nhiên thần ở đây khá đa dạng gắn với sinh thái tự nhiên. Đó là các sơn thần: Cao Sơn, Quý Minh, Đức Thánh Sơn Đào, Bạch Hổ tôn thần... được thờ phổ biến ở các khu vực núi non, gò cao; Các thủy thần: Linh Lang, Thủy Phủ, Long Vương, Long Hậu, Bạt Hải, Sát Hải, ròi Thánh Mẫu Càn Hải... được thờ ở các vùng ven biển, sông hồ; Các nhiên thần: Tràng Ròng Đại Vương Thiên Thần, Mộc Hoàng Tôn Thần, Thiên Chu Hoàng Thái Hậu<sup>16</sup> được thờ ở vùng Tiên Lãng, Đệ Nhất Đông Công Thống Chế Vũ Công tự Huyền Linh ở miếu Phù Lưu thờ

ở Thủy Nguyên... Có những nơi lại thờ đan xen cả thủy thần và sơn thần. Mặc dù, các thần trên đều đã được “nhân hóa” về tiểu sử và công trạng, trở thành các tướng lĩnh dưới thờ Hùng Vương, các vị anh hùng có công đánh giặc cứu nước giúp dân, hay hiền linh đánh đuổi thú dữ bảo vệ làng mạc... nhưng dấu ấn tự nhiên của thần vẫn đậm nét ở chính tên gọi: núi cao, hồ trắng, thần nước, vua rồng ... vốn khởi sinh từ sùng bái tự nhiên và khát vọng hài hòa với thiên nhiên của cư dân nông nghiệp.

Bên cạnh đó, các vị nhân thần được thờ làm thành hoàng cũng phổ biến ở Hải Phòng. Đặc biệt là các anh hùng lịch sử, các tướng lĩnh hoặc có quê quán gốc gác ở Hải Phòng, các tướng lĩnh nổi danh có mối liên hệ nào đó với mảnh đất Hải Phòng, như: Phạm Tử Nghi, Lê Chân, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Trương Nữ, Nguyễn Công Trứ... Đáng chú ý, Ngô Quyền được thờ ở nhiều nơi nhưng tập trung chủ yếu ở các làng thuộc lưu vực sông Bạch Đằng: Gia Viên, Lương Xâm, Đông Khê... Theo Phùng Ngọc Trung, thì toàn thành phố Hải Phòng “hiện nay có 28 làng xã và 1 danh thắng thờ Ngô Quyền tại 36 công trình thờ và trong quá khứ có thể đã có 37 làng xã thờ Ngô Quyền”<sup>17</sup>.

Ngoài ra, ở Hải Phòng cũng xuất hiện các vị thành hoàng là nhân vật khoa bảng, tổ nghề... như: Thượng thư Nhữ Văn Lan, đỗ nhị giáp đồng tiến sĩ khoa thi năm Quý Mùi, niên hiệu Quang Thuận (1463) đời vua Lê Thánh Tông lúc 20 tuổi, là ông ngoại của Trịnh Trình Nguyễn Bình Khiêm được thờ ở đình Đông (thôn Nam Tử, xã Kiến Thiết); Nguyễn Công Huệ - truyền dạy nghề tạc tượng mà được dân làng Bảo Hà (Vĩnh Bảo) thờ làm tổ nghề; một số vị thần là người phương Bắc (Trung Quốc) như Chu Xích Công (đình Đại Trà), Quảng Tế Minh Dục và Hoàng Tế Khuông Hựu (Quần Mực) lại được thờ làm thành hoàng làng theo truyền thuyết đã được bản địa hóa.

*Nhiều vị thần được thờ trong cùng một di tích tín ngưỡng thành hoàng và hầu hết đã được các triều đại phong kiến sắc phong cho địa phương thờ tự*

Theo Báo cáo Kiểm kê vào năm 1976 – 1977 của Bảo tàng Hải Phòng thì trên địa bàn thành phố có một số nơi thờ nhiều vị thần, như: “huyện Tiên Lãng, các làng Kỳ Vĩ, Lật Dương mỗi nơi thờ 7 vị, thôn

Xuân Cát thờ 6 vị; huyện Thủy Nguyên làng Lỗi Dương thờ 9 vị, Dăng Động thờ 8 vị, Trà Sơn thờ 7 vị, Trúc Động thờ 6 vị; huyện Kiến Thụy, Đông Mô thờ 7 vị, Trữ Khê thờ 6 vị, Phúc Lộc thờ 5 vị; huyện An Lão, thôn Áng Sơn thờ 11 vị, Văn Đầu thờ 17 vị, An Luận thờ 6 vị; Đồ Sơn có một ngôi đình thờ 5 vị<sup>18</sup>. Ngoài ra, ở một số di tích khác, như: đình và miếu Đạo Tú (Thủy Nguyên) thờ ba vị thành hoàng<sup>19</sup>; đình Cả - Đình Tây (Thủy Nguyên) thờ 8 vị thành hoàng; đình và miếu Phúc Liệt (Thủy Nguyên) thờ 9 vị thành hoàng... Ở huyện Thủy Nguyên “chỉ riêng 11 xã ven sông Bạch Đằng đã có 18 ngôi đình, mấy chục miếu nghề. Trong số ấy có 9 ngôi đình hoặc miếu, nghề thờ một vị thần. Còn lại 15 ngôi thờ từ 2 đến 9 vị thần”<sup>20</sup>; đình Đại Trà thờ tới 18 vị thần<sup>21</sup> còn ghi rõ trong 24 đạo sắc phong... Nguyễn Duy Hinh khi khảo cứu thần thành hoàng của Kiến An được chép trong *Bách Thần lục* cũng nhắc tới hiện tượng thờ nhiều thần – lên tới 04 vị thành hoàng ở làng Tầm Xá (An Lão)<sup>22</sup>.

Thần điện của một ngôi đình, đền, miếu thờ thành hoàng ở Hải Phòng thể hiện rất rõ tính đa thần và hệ thống; tính dung hợp và khoan hòa. Biểu hiện ở tính đối ngẫu của các thần: cả thần tự nhiên lẫn nhân thần, cả sơn thần lẫn thủy thần; cả dương thần (nam thần) lẫn âm thần (nữ thần)... Trong đó, có một hoặc một vài vị được thờ chính và các vị được thờ phụ/phối thờ. Để nhận diện các vị thần được thờ chính có thể căn cứ vào các yếu tố: 1. Sắc phong do triều đình định danh Bản Cảnh Thành Hoàng; 2. Thần tích ghi về việc thờ cúng; 3. Tâm thức và trải nghiệm thiêng của dân làng; 4. Nghi lễ. Nghi lễ đóng vai trò quan trọng nhất, vì vị thần được thờ chính sẽ được chọn là vị thần thụ hưởng “đại sự lễ” – lễ tế lớn. Các thần được phụ thờ/phối hưởng thường nằm trong mối tương quan với vị thần chính, hoặc theo phong tục truyền thống, hoặc được tích hợp thờ chung. Trường hợp thờ ở đình làng Đại Trà là một ví dụ. Trong 24 đạo sắc phong<sup>23</sup> cho 18 vị thần còn lưu lại ở đình, có: nhân thần (tiểu sử rõ ràng và mơ hồ), nhiên thần, nam thần và nữ thần (dương thần và âm thần), sơn thần và thủy thần... mà Chu Xích Công được phong là Đương Cảnh Thành Hoàng. Số lượng các thần được phối thờ/phối hưởng ở Đại Trà thực tế còn nhiều hơn như trong văn tế có ghi thêm 10 vị công thần, tổ tiên các dòng họ.

*Các vị thần thành hoàng có mối quan hệ về huyết thống*

Một số địa phương ở Hải Phòng có truyền thuyết ghi lại tục thờ nhiều vị thành hoàng có liên hệ về huyết thống, như: đình Mỹ Cù (Thủy Nguyên) thờ 4 anh em (3 trai, 1 gái) họ Lý, có võ nghệ cao cường đã giúp dân xua đuổi hổ dữ, sau khi mất lại hiển linh giúp Hùng Duệ Vương đánh giặc; đình Cả (Chính Mỹ, Thủy Nguyên) thờ 9 vị thần trong đó có 04 anh em họ Hoàng giúp vua Lý Thánh Tông đánh chiếm Chiêm Thành<sup>24</sup>; đình Vĩnh Khê thờ 3 vị thành hoàng, trong đó có Vũ Giao và Vũ Trọng là hai anh em mà lễ hội tổ chức vào ngày sinh (7/1 âm lịch); đình Kiền Bái (Thủy Nguyên) thờ hai anh em Ngọc và Bích mất sớm rồi hiển linh giúp vua Trần đánh thắng quân Nguyên, được phong là: Trung Quốc Cảm Ứng Thượng Đẳng Thần và Lôi Công Uy Diệu Thượng Đẳng Thần; đình Trinh Hương (Thủy Nguyên) thờ 3 anh em họ Đào là Đào Tề, Đào Đại, Đào Đô làm tướng giúp vua Lê Đại Hành đánh giặc Tống; đình Trại Kênh (Thủy Nguyên) thờ ba anh em họ Lý (Lý Phả, Lý Hoàng, Lý Quảng) làm quan dưới thời Đinh Tiên Hoàng, giúp dẹp loạn 12 sứ quân... Những truyền thuyết này thường lý giải lịch sử vùng đất, quá trình an trú của các dòng họ hoặc xuất phát của mối giao hiếu giữa các làng trong mỗi liên hệ về mặt “huyết thống” của các thành hoàng.

*Một số thần thành hoàng được thờ ở nhiều địa phương*

Theo thống kê năm 1976 – 1977 của Bảo tàng Hải Phòng, thì: “số nơi thờ Phạm Tử Nghi có đến 83, Đoàn Thượng có đến 29, Ngô Quyền có 28, Trần Hưng Đạo có 24, Công Chúa Liễu Hạnh có 22 nơi thờ...”<sup>25</sup>. Đây là các vị thần được thờ làm thành hoàng ở nhiều nơi tại Hải Phòng. Trong đó, Phạm Tử Nghi, Đoàn Thượng, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo có tiểu sử hoặc công trạng gắn bó mật thiết với vùng đất này; còn Liễu Hạnh vốn là vị thần được thờ gắn với xu thế phát triển tín ngưỡng Tam, Tứ phủ ở khắp Bắc Bộ. Một số vị thành hoàng khác được thờ ở nhiều nơi, như: Thiên Chu thờ ở đình An Tử, đình Hộ Tứ Nội, Hộ Tứ Ngoại thuộc Tiên Lãng; Cao Sơn, Quý Minh được thờ ở 9 nơi thuộc Kiến An - do bản thổ ở “cuối đồng bằng sát biển vẫn có vùng núi không lớn lắm”, mà 4 nơi thần tích ghi rõ đã được sắc phong là thành hoàng, còn 5 nơi không ghi<sup>26</sup>.

Dù các thành hoàng được thờ chung khá phổ biến nhưng không vì thế mà có sự rập khuôn, “bản sắc địa phương” của từng làng được thể hiện qua truyền thuyết, qua tâm thức, qua nghi lễ và hèm.

#### *Thờ hậu thần trong các di tích thờ thành hoàng*

Hiện tượng thờ Hậu thần - những người có công đóng góp ruộng đất và tiền của cho việc xây dựng, tu bổ ngôi đình, miếu - là hiện tượng phổ biến ở Hải Phòng trước năm 1986 với hình thức khắc bia lưu danh và ghi lệ cúng hậu. Cụ thể, đình Đông Khê thờ hậu thần là Trần Thế Nho (người làng làm quan đến án sát sứ Tây Sơn, Bắc Ninh dưới thời nhà Nguyễn đã có công trùng tạo lại ngôi đình; đình Ngọc Tĩnh (xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy) có bia đá ghi hậu thần là bà Bùi Thị Trật từ thời nhà Nguyễn có công đóng góp xây dựng đình; đình Cựu Đồi (Tiên Lãng) thờ Thành hoàng Đào Quang, hiện vẫn còn 2 tấm bia ghi hậu thần, chép tên những người công đức xây dựng ngôi đình; đình Nhu Thượng (xã Quốc Tuấn, huyện An Hải) vẫn lưu giữ 2 tấm bia hậu thần đặt ở trong đình có niên hiệu (năm Tự Đức thứ 10 – 1857); đình Tràng Duệ (xã Lê Lợi, huyện An Hải) vẫn lưu giữ 1 tấm bia hậu thần, ghi công những người đóng góp cho đình; ...

Đối với người dân Hải Phòng, niềm tin vào vị thần thành hoàng bảo hộ của cộng đồng còn gắn chặt với những câu chuyện về sự hiển linh của thần qua thần tích và sắc phong, đồng thời đó còn là sự ứng nghiệm công năng ban phúc, giáng họa của thần đối với cá nhân và với cả cộng đồng. Người ta tin rằng sự thờ cúng chu đáo chính là phương thức điều tiết sự linh ứng của thần, sẽ được phù hộ, có được phúc ấm và ngược lại sẽ gặp phải những tai họa khôn lường.

#### **2.2. Cơ sở thờ cúng**

Giai đoạn đầu thế kỷ XX, tín ngưỡng thờ thành hoàng được tiếp cận nghiên cứu với tính chất “phong tục hương đảng”<sup>27</sup>, hay “tế tự ở hương thôn”<sup>28</sup> diễn ra trong không gian thiêng của một làng, cũng có thể là “liên làng” hoặc “siêu làng”<sup>29</sup>, gồm: miếu, nghè, đền, đình,... mà theo Pierre Gourou khi nhìn vào kiến trúc công cộng của làng mạc người Việt này “sẽ thấy mối quan tâm tôn giáo của dân cư”, và xuất phát điểm của mối giao hiếu giữa các làng với nhau<sup>30</sup>. Cơ sở thờ cúng thành hoàng ở Hải Phòng trước Đồi mới có một số đặc điểm là:

Về vị trí tọa lạc của các ngôi đình/miếu gắn chặt với quan niệm “phong thủy tốt” của mảnh đất thiêng, hoặc gắn với tiểu sử và hành trạng, hóa thân của thành hoàng, ví dụ: đền Trịnh Xá chính là nơi thi hài của thành hoàng Ngô Lý Tín đặt vào<sup>31</sup>; các di tích thờ Ngô Quyền chính là những địa danh gắn với chiến tích và hiển linh của vị vua dọc sông Bạch Đằng; ngôi đình, miếu là nơi hóa thân của thần, như ở làng Đại Trà, đình là nơi Chu Xích Công “thiên táng”; miếu làng Tri Yếu là nơi Chàng Rồng hóa rồng... Từ quan niệm về phong thủy và không gian sinh thái linh thiêng<sup>32</sup> mà các cơ sở thờ cúng thờ thành hoàng luôn ở vào vị trí đặc địa: “có dáng đầu rồng, giếng nước tròn bên trái là mắt rồng”<sup>33</sup> như đình Hà Đậu (An Hải); quay hướng nam, nhìn sông, tựa núi, phong cảnh khoáng đạt như đình Vĩnh Khê (An Hải)<sup>34</sup>. Chính sự thiêng hóa không gian thờ thần là một là một thể ứng xử<sup>35</sup> khôn khéo của cư dân ở Hải Phòng nhằm bảo vệ di tích, tránh mọi hoạt động xâm phạm, như: chặn thả gia súc, chặt củi, lấy trộm đồ thờ. Bản kê Thần tích – Thần sắc của làng Đại Trà ghi rõ: “Nơi thờ thần trước vốn là bãi gò, núi, cây cối, sau đó người dân đắp bệ, làm đình là nơi chỉ dành vào việc thờ cúng và nghiêm cấm mọi hoạt động khác (trồng cây, giết súc vật, cấm làm nhà ở...)”<sup>36</sup>.

Nhiều câu chuyện về báo ứng của thần thành hoàng đối với người xâm phạm di tích, lấy trộm đồ đạc, bất kính với thần linh hay kết cục buồn của một số người tham gia “phá đình, phá đền” trước năm 1986 cho đến nay vẫn còn được kể lại đầy huyền bí, mỉa mai. Trong tâm thức người dân, đó chính là minh chứng rõ nhất cho sự thiêng liêng, siêu việt của các vị thần thành hoàng trên mảnh đất Hải Phòng.

Kết cấu thờ thành hoàng ở lưỡng/đa điểm khá phổ biến mà cho đến hiện nay một số địa phương vẫn duy trì. Quan niệm miếu, nghè là “tư gia” - nơi thường trú của thần thành hoàng nên việc hương khói diễn ra thường nhật. Trong khi, đình được quan niệm là “công sở” - nơi làm việc nên chỉ vào “đại sự lễ” thì thành hoàng mới “hiển linh”. Lễ tế thần vì thế cũng tuân theo trình tự từ miếu, nghè, đền sang đình với nghi thức cáo yếu thỉnh mời thần nghênh giá (kiệu) về đình dự lễ, hội. Ở làng Hòa Liễu (trước năm 1945), không gian thiêng công cộng bao gồm: chùa, đền, miếu ăn thề, đình làng, từ chỉ (thờ thánh Khổng Tử)

và quán (nơi thờ thổ địa và dùng chân nghỉ ngơi của khách vãng lai)<sup>37</sup>. Trong đó, thần thành hoàng Thiên Quan Đại Vương<sup>38</sup> được thờ phụng ở miếu và đình. Ngoài ra, làng Nghĩa Lý (Vĩnh Bảo) thờ các vị thành hoàng (Nam Hải Đại Vương, Diệu Ứng Mỹ Ân Tôn Thần, Anh Linh Thổ Kỳ Tôn Thần) tại đền và đình; thôn Nam Hải (Kiến Thụy) thờ thành hoàng Yết Kiêu ở đền và đình; xã Đại Thắng (Tiên Lãng) thờ thành hoàng Phạm Khả Tuế ở miếu và đình... Hiện nay, các di tích này vẫn duy trì việc thờ cúng.

Quá trình phát triển của tín ngưỡng thành hoàng còn thể hiện ở quá trình chuyển hóa không gian thờ từ miếu, nghè sang thờ ở đình. Tuy nhiên, việc phỏng đoán niên đại của các ngôi đình ở Hải phòng chủ yếu dựa trên tư liệu lịch sử (hương ước, chính sử), kiến trúc, điêu khắc và hiện vật còn lại (bia đá, thượng lương, ngai, tượng...) có phần khó khăn do thiếu hụt về tư liệu. Đến nay, một số ngôi đình được biết rõ có niên đại sớm là vào khoảng thế kỷ XVII (thời Hậu Lê), như: đình Hàng Kênh và đình Kiền Bái, đình Nhân Thọ, đình Đôn Lương... Còn lại, đại đa số là các ngôi đình được xây dựng hoặc tu bổ toàn diện vào thời nhà Nguyễn gắn với quá trình “thể chế hóa” tế tự từ trung ương tới địa phương, như: đình Gia Lộc (dựng năm 1816), đình Lương Năng (dựng năm 1820), đình An Biên (trùng tu lớn vào năm 1929); đình Bắc (trùng tu vào năm 1923); đình Thượng Điện (xây mới vào năm 1930); đình Từ Lâm (trùng tu vào năm 1943)...

Trước năm 1945, *mỗi thôn, giáp đều có một ngôi đình nhỏ và cả tổng, xã sẽ có ngôi đình lớn gọi là đình Cả/đình Đại. Về sau, quá trình sáp nhập các làng và sự xuống cấp, hư hại của các ngôi đình đã dẫn tới hiện tượng hợp tự.* Như ở làng Đồng Dụ trước đây có đình Đông và đình Đoài cùng thờ tướng quân Đại Phạm làm thành hoàng và 5 người con của ông, nhưng khi đình Đông bị đổ nát thì người dân đã hợp tự thờ chung ở đình Đoài (đình Đồng Dụ)<sup>39</sup>; làng Thanh Lãng (Thủy Nguyên) trước đây có 3 giáp với 3 ngôi đình (đình Đông – đình Bắc – đình Ngoài) cùng thờ Vũ Hồng và Vũ Thị Lê Hoa là thành hoàng, nhưng khi đình Đông và đình Ngoài bị phá hủy thì dân 3 giáp lại thờ chung ở đình Bắc; đền An Lư (Thủy Nguyên) được dựng vào đầu thế kỷ XX thờ cha con Trần Hưng Đạo và Trần Quốc Tảng, khi di

tích thờ thành hoàng Tuệ Tĩnh trong làng bị phá hủy thì người dân đã rước nghi vệ thành hoàng về thờ ở đền vào năm 1948<sup>40</sup>.

Giai đoạn hai cuộc kháng chiến, nhất là thời kỳ thực hiện “tiêu thổ kháng chiến” chính là khoảng thời gian mà các di tích bị tàn phá nhiều nhất, bị chuyển đổi công năng và gián đoạn về nghi lễ. Trong xu hướng chung, nhiều ngôi đình ở Hải Phòng đã bị phá hủy hoàn toàn, có nơi chỉ còn lại nền móng cũ, có nơi vẫn giữ được đình hoặc phần hậu cung nhưng không còn là không gian chức năng thờ cúng, các hiện vật, đồ thờ, đồ tế ... cũng bị thất thoát, xáo trộn. Di tích thờ thành hoàng bị chuyển đổi công năng ngoài tôn giáo, làm trụ sở công ty và phòng văn hóa (đình An Biên); làm phòng học, chợ tạm (đình Lạc Viên); làm nhà kho (đình Đại Trà)... Người cao tuổi ở làng Đại Trà vẫn còn ghi nhớ: “vào thời kháng chiến chống Pháp, lúc thực hiện “tiêu thổ kháng chiến”, đình (Đại Trà) bị phá hủy mất 3 gian đại đình, chỉ còn lại hậu cung thôi. Sau này, đình trở thành kho chứa đồ của hợp tác xã. Các đồ thờ thành hoàng của đình bị tản mác, mất đi nhiều. Có một số đồ mà người dân đi gửi nhờ được thì còn lại đến nay. Trước thì chuyển vào gửi ở nhà dân (là nhà thờ họ Nguyễn Quế ấy), sau này thì gửi vào trong chùa. Chùa cho lập một ban thờ thành hoàng ở sau nhà Tổ. Đến mãi sau năm 1990 mới lấy lại đình thì các cụ lại đem đồ thờ về làm lễ tế”<sup>41</sup>.

Một số thống kê cũng đã chỉ rõ sự suy giảm không gian thờ cúng thành hoàng tại Hải Phòng giai đoạn này. Kiểm kê năm 1976 – 1977 của Bảo tàng Hải Phòng với số liệu 191 ngôi đình, 173 ngôi đền, miếu, 320 chùa trên toàn Thành phố Hải Phòng, đến năm 1996 thì đã giảm xuống còn 117 ngôi đình, 53 đền miếu, 238 chùa<sup>42</sup>. Khảo sát của Hoàng Văn Lâu tại Kiến Thụy cho thấy, trong 10 xã (Ngũ Đoàn, Tân Trào, Đại Hà, Hữu Bằng, Đông Phương, Thụy Hương, Thuận Thiên, Kiến Quốc, Minh Tân và Thanh Sơn) trước đây có 40 ngôi đình, 33 ngôi đền miếu, 34 ngôi chùa nhưng đến năm 1992 thì chỉ còn lại 02 ngôi đình, 8 ngôi đền miếu và 24 ngôi chùa (kể cả làm mới); đối với toàn huyện Kiến Thụy (20 xã, thị trấn) chỉ còn lại 09 ngôi đình, tiêu biểu như: đình Quý Kim (Hợp Đức), đình Tân Trào (tức đình Kim Sơn, Tân Trào), đình Ninh Hải (xã Anh Dũng)<sup>43</sup>...

Sau Đổi mới (1986) có địa phương đã cho tu bổ, phục dựng hoặc xây mới lại, nhưng cũng có địa phương không hoặc chưa thể phục hồi được ngôi đình của làng. Điển hình như trường hợp xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy, các ngôi đình của cả ba làng trong xã (Hòa Liễu, Úc Gián và Xuân Úc) đều bị phá hủy hoàn toàn cho đến nay vẫn chưa có điều kiện phục dựng lại. Tín ngưỡng thành hoàng vì thế có sự biến đổi theo hướng tích hợp với các tôn giáo tín ngưỡng khác tại địa phương.

### **2.3. Nghi lễ thờ thành hoàng và những kiêng kỵ**

Trong nghi thức tế thành hoàng làng ở Hải Phòng trước đây, “Đại sự lệ” chính là thời gian thực hành nghi lễ thờ thành hoàng lớn nhất trong năm, mà hiện nay được gọi là lễ hội tín ngưỡng. Trình tự nghi lễ chủ yếu tuân theo hoặc cố gắng cao nhất để mô phỏng mô thức tế tự do Bộ Lễ quy định. Chúng tôi tìm thấy điều này trong thần tích về các vị thần và trong hương ước của các làng ở Hải Phòng, bao gồm hương ước cũ và một số hương ước thời kỳ cải lương<sup>44</sup>. Cụ thể, nghi lễ tế tự thành hoàng làng được quy định về các mặt: chủ thể thực hiện nghi lễ (chủ tế, bồi tế), thời gian, không gian thực hiện nghi lễ, trình tự nghi thức và văn tế, lễ phẩm....

Theo motif trong thần tích thì người thực hiện nghi lễ thờ thành hoàng đầu tiên phải kể đến chính là nhân dân địa phương. Sau đó, nhà vua hoặc quan lại thực hiện nghi lễ để cảm ơn công linh phù của thần. Do vậy, chủ tế thành hoàng thường được quy định là người có vị trí quan trọng – lý trưởng ở địa phương. Hương ước làng Đại Trà năm 1935 quy định về tế tự: “*Chủ tế quan làng phải cử người chức sắc cao hàm và người kỳ mục làm chủ tế quan*”. Người vi phạm sẽ theo lệ *Khuyến trừng* mà xử lý: “Trong làng những ngày sóc vọng sự lệ các tiết phải mời người chức sắc kỳ mục hoặc người có vị thứ làm chủ tế, như bạch dịch vào làm chủ tế, hội đồng phạt 1đ 00 sung công”<sup>45</sup>.

Thời gian tổ chức nghi lễ mang tính chu kỳ được chia thành lễ lớn, lễ nhỏ và thường nhật. Ngoài “đại sự lệ”, thì còn có sóc vọng (ngày rằm, mùng một), ngày tế kỳ an, ngày tết, nhưng biểu hiện của định chế là *Xuân Thu nhị kỳ*. Tùy vào phong tục từng làng mà “đại sự lệ” có thể là ngày sinh hoặc ngày hóa (ngày giỗ/chạp) như ở đình Đại Trà (Đông Phương), đình Kim Sơn (Tân Trào)...; hoặc có thể là ngày lễ kỷ niệm

sự kiện liên quan tới hành trạng của thần thành hoàng, như ở đình Quỳnh Hoàng (An Hải) “đại sự lễ” từ ngày 10 đến hết ngày 16 tháng 2 (âm lịch), tương truyền là thời gian mà thành hoàng Nguyễn Uy và Nguyễn Công Lăng thắng trận trở về, làm lễ kính cáo.

Ở Hải Phòng, cũng như các địa phương khác, lễ phẩm phổ biến dâng tế thành hoàng gồm có: gà (kê xuy): lợn (chư xuy), rượu trắng và hoa quả (tửu quả), hương đăng (đèn nến), kim ngân (vàng mã), trầu cau (phù lưu), xôi... thêm đặc sản địa phương, hoặc nông sản theo thời vụ, ví dụ: lễ húy nhật (giỗ) Đức Phò Mã Trần Quốc Thi ở đình Đại Trà vào ngày mùng 4 tháng 9 (âm lịch) thường dâng quả hồng chín, cốm và món mọc chín, với biểu trưng về mùa vụ và món đặc trưng, nhưng đến nay chỉ duy trì món mọc chín<sup>46</sup>; lễ tế thần Đĩnh Tước Đại Vương ở Đồ Sơn, lễ phẩm không thể thiếu là một mâm gạo và nghi thức giết trâu để tế thần, với biểu trưng truyền thuyết dấu chân của thần và sự tích ngôi đình<sup>47</sup>; ở đền Nghè (An Biên cổ miếu) lễ phẩm thờ thành hoàng lại có bún tươi và thịt cua bể (long đăng hải giải)<sup>48</sup>. Trước Đổi mới, một số làng còn tổ chức thi cỗ trong lễ hội thờ thành hoàng, như ở đình Hàng Kênh có lệ thi cỗ (8 bát hoặc 12 bát hoặc 4 bát 12 đĩa) với đủ các món nghêu, sò, ốc, hến, thịt lợn, thịt gà<sup>49</sup> dâng lên thành hoàng Ngô Quyền vào tháng 2; hoặc ở làng Đại Trà “trước đây ở đình cũng có tổ chức thi cỗ đấy, như ai làm cỗ đẹp, cỗ ngon, cỗ to... mang ra đình thi với nhau. Cỗ thường có giò, gà, mộc, chả, nộm, xào nấu bóng... làm toàn cỗ ngon thôi... Các cụ kể lại rằng, cỗ các ông to thì ngồi trên ông Chánh, ông Lý trưởng, ông phó ngồi dưới... cứ cao rồi thấp dần”<sup>50</sup>; ở đền Thụ Khê (Thủy Nguyên) lại có lệ làm “cỗ qua lộ” gồm “một mâm rượu và mấy đĩa cá để mời người qua đường ăn uống nhằm diễn lại lễ đón chào Trần Quốc Tuấn cùng tướng quân thắng trận trở về”<sup>51</sup> vào ngày 20/8 (âm lịch).

Theo chúng tôi, nét đặc sắc nhất trong lễ phẩm tế thành hoàng ở Hải Phòng được lưu truyền từ xưa tới nay chính là lợn ông bò. Lợn ông bò - không phải là tên riêng mà là cách gọi mang tính “tôn kính” đối với con lợn to, đẹp được chọn dâng tế thành hoàng với mong muốn thành hoàng sẽ phù hộ cho cả làng “ăn may làm ra, nuôi lợn thì lợn lớn, làm gì cũng thuận lợi, tốt đẹp...”<sup>52</sup>. Lễ phẩm này phổ biến ở

giai đoạn trước Đổi mới và được phục hồi ở nhiều địa phương hiện nay, như: lễ rước lợn ông bò ở làng Kỳ Sơn (Tân Trào), làng Xuân La (Thanh Sơn), làng Tú Đôi (Kiến Quốc)...

Do thành phần chủ tế và tham tế đều là những quan viên am tường Nho học, nên văn tế thành hoàng ở các địa phương thường theo quy chuẩn, được hội tự văn xem xét kỹ lưỡng. Chia theo từng thời điểm, thời gian mà văn tế thần thành hoàng làng được điều chỉnh khác nhau về nội dung, hình thức, cụ thể về: văn tế đại sự lệ, văn tế chạp, văn tế xuân, văn tế vào tuần rằm... Hiện nay, ở đền Hòa Liễu vẫn giữ lại bản chép tay văn tế bằng chữ Hán của làng, gồm tất cả các nghi lễ trong năm ở đình, đền, miếu, nhà thờ tổ... trong đó có văn tế thành hoàng vào các dịp trong năm.

Cũng như các làng ở đồng bằng Bắc Bộ khác, nghi lễ thờ thành hoàng ở Hải Phòng trước Đổi mới về cơ bản vẫn bao gồm lễ mộc dục, cáo yết, lễ tế chính với 03 tuần tế và lễ tế tạ và phần hội hè, trò chơi dân gian. Lễ hội tế thành hoàng ở làng thường kéo dài đến cả nửa tháng, ngoài các nghi thức tế thần còn có nhiều hoạt động hội hè, vui chơi, như: thi đấu vật, thi chọi gà, tổ tôm điếm... thu hút sự tham gia của đông đảo nhân dân trong làng, vừa tạo không khí vui vẻ, vừa làm nảy sinh tính “cộng cảm” của các thành viên trong cộng đồng.

Đặc biệt, Hải Phòng là vùng đất duyên hải với hệ thống sông rạch dày đặc và mặt tiếp giáp biển nên các lễ hội liên quan đến sông nước và ngư nghiệp mang tính nổi trội, lễ hội cầu ngư và rước cá sủ vàng ở làng Ngọc Tĩnh (Tân Trào), lễ hội bơi chèo đi kheo (Đại Hợ, Kiến Thụy), lễ hội bơi chải (làng Ngõ Dương, xã An Hòa, huyện An Dương); các lễ hội liên quan đến đặc điểm văn hóa lịch sử của từng địa phương, như: lễ hội vật cầu (làng Kim Sơn, Kiến Thụy), lễ hội Pháo Đùng (Đại Trà, Kiến Thụy), lễ hội chọi trâu ở Đồ Sơn ...

Điểm đáng chú ý trong nghi thức thờ thành hoàng chính là các hình thức hèm được lưu giữ từ trong quá khứ và phục hồi vào giai đoạn hiện nay. Mặc dù sự lý giải về hèm ở mỗi thời đại có sự khác biệt do thay đổi về kinh tế xã hội và tâm thức người dân, nhưng những chỉ dẫn liên quan đến “đối tượng thiêng” trong hèm rất rõ ràng. Nổi tiếng có lẽ hèm ở hội làng Tri Yếu (An Hải) vào ngày 7 -11/2 (âm lịch)

nhằm tưởng niệm Đức Thánh Chàng Rồng, các tế viên đều dùng gai cài vào áo với biểu trưng về việc thành hoàng bị thương trong lúc đánh giặc; lệ hèm ở hội đình Vĩnh Khê (An Hải) vào ngày 7 tháng giêng âm lịch chính là nghi thức “giao điệt” trước cửa đình giữa hai cụ cao tuổi, đại diện sáu dòng họ lớn, biểu trưng cho tinh thần trung liệt hiếu nghĩa của hai vị thành hoàng Vũ Trọng và Vũ Dao - các tướng quân giúp Trần Nghệ Tông đánh giặc ngoại xâm.

Để đảm bảo sự trang nghiêm cho nghi lễ thờ thành hoàng, các quy định kiêng khem, cấm kỵ cũng phổ biến tại các địa phương ở Hải Phòng: ngoài các tiêu chí về gia cảnh, đạo đức thì những người tham gia nghi lễ tế thành hoàng phải giữ trai giới nghiêm cẩn và không có tang trở; chọn phu kiệu là nam hay nữ tùy thuộc vào từng địa phương nhằm bảo đảm tính tôn ti; nghiêm cấm gây náo loạn, mất đoàn kết trong cộng đồng: “trong làng những khi đình trung ai ra và khi tế tự cấm không ai được uống rượu say sưa nói thô bỉ ngạo mạn, ai không tuân hội đồng phạt năm hào xung công<sup>53</sup>. Trong đó, trai giới là quy định không thành văn nhưng bắt buộc, vì khó giám sát nên đòi hỏi tinh thần tự giác cao của các chức sắc kỳ mục. Mục đích là giữ được một thân tâm thanh sạch trước khi bước vào cuộc tế lễ “giao tiếp” với thành hoàng.

Bên cạnh đó, còn có những kiêng kỵ, cấm đoán liên quan đến thành hoàng ở Hải Phòng giai đoạn này, như: kiêng húy, cấm phụ nữ và người có án phạt, có tội, có tang vào đình, miếu. Đặc biệt là kiêng kỵ trong tang ma vì nỗi sợ có thể làm kinh động đến thành hoàng, như: không cho đám đi qua đình, nếu bắt đắc dĩ đi qua thì phải dừng kèn trống, hạ thấp “đòn” khênh, lạng lễ đi qua.

#### **2.4. Về cộng đồng thờ cúng**

Ở Việt Nam, tín ngưỡng thành hoàng gắn với làng xã, là sinh hoạt văn hóa tinh thần, thực hành tín ngưỡng của cộng đồng cư dân nông nghiệp. Trong tổ chức chính quyền các cấp thời phong kiến, xã vẫn là đơn vị cấp chính quyền thấp nhất – nối bộ máy nhà nước với người dân, nhằm thực hiện hai chức năng chính là quản lý đất đai và dân đình. Trong khi đó, làng, ấp, thôn là đơn vị tự trị truyền thống, tồn tại trên cơ sở hai nguyên lý: “cội nguồn và cùng chỗ”<sup>54</sup> có đầy đủ các yếu tố: tự trị

lâu đời, có địa vực, hạ tầng, cơ cấu tổ chức, ngôn ngữ, tín ngưỡng, phong tục tập quán... và nhất là pháp luật (gọi là: hương ước, khoán ước, khoán lệ...). Vì thế, từ bao đời, làng Việt vẫn luôn được xem là có sức mạnh “tự trị”, “tự quản” mà chính quyền trung ương luôn khao khát “nói dài cánh tay” để quản lý cả về vật chất lẫn tinh thần.

Dưới triều Nguyễn, tổ chức làng xã bao gồm ba thiết chế chính: 1- dân hàng xã: tập trung toàn bộ nam giới từ 18 tuổi trở lên; 2- Hội đồng kỳ dịch hay hội đồng kỳ mục: trên danh nghĩa là do dân cử ra, nhưng thực chất là những người vừa có điền sản, có chức vụ hay phẩm hàm; 3- Những lý dịch: chức viên lại ở cấp xã chịu trách nhiệm trước chính quyền quân chủ về các sự vụ trong làng xã<sup>55</sup>. Xét về mặt đẳng cấp, có liên quan trực tiếp đến các sinh hoạt của dân hàng xã thì tổ chức làng xã lại được chiếu theo trục: 1- Chức sắc; 2- Chức dịch; 3- Thí sinh, khóa sinh; 4- Lão hạng; 5- Dân đinh; 6- Ti ấu<sup>56</sup>. Do vậy hệ thống tôn ti hay “ngôi thứ chôn đình trung”<sup>57</sup> được sắp xếp dựa trên hai tiêu chí là tổ chức thiết chế - “vương tước” (theo địa vị nhà vua ban) và tuổi tác - thiên tước (theo nguyên tắc trọng xỉ).

Ở Hải Phòng, có nhiều ngôi làng nổi tiếng có lịch sử lâu đời, như: Du Lễ, Đông Khê, Cổ Am, Cổ Trai, Bảo Hà, Hòa Liễu... dù đã trải qua sự phân tách địa giới hành chính, quá trình sáp nhập, mở rộng nhưng nhiều làng vẫn lưu lại mối liên hệ với nhau ở các phương diện: tên gọi, địa vực, nghề nghiệp và nhất là thờ cúng thần, thờ cúng thành hoàng. Các ngôi làng ở Vĩnh Bảo với hàng chục ngôi làng có tên gắn với chữ Am: Cổ Am, Thượng Am, Hạ Am, Trung Am, Nam Am, Liên Am, Ngãi Am, Hội Am... trước đây vốn thuộc một tổng. Làng Hòa Liễu lại được phỏng đoán hình thành vào cuối thế kỷ XIII, sang đầu thế kỷ XIV trong mối liên hệ về địa giới với ấp Đền Mỗ (xã Ngũ Phúc) và làng Du Lễ (xã Kiến Quốc)<sup>58</sup>. Ở Đông Phương có tới 4 ngôi làng cùng thờ thành hoàng là Chu Xích Công và Trần Quốc Thi vốn được tách ra từ trang Đại Trà trước đây....

Cũng như các ngôi làng ở Bắc Bộ, các làng ở Hải Phòng cũng là một *kết cấu phức tạp với nhiều mối quan hệ chồng xếp*, như: quan hệ làng, quan hệ dòng họ, quan hệ địa vực, quan hệ về tuổi tác, quan hệ về nghề nghiệp<sup>59</sup> ... Nếu như sự bền chặt của mối quan hệ về dòng họ quyết định

bởi thờ cúng tổ tiên thì sự gắn kết của làng lại chịu ảnh hưởng lớn từ thiết chế thờ cúng cộng đồng, nhất là thờ thành hoàng làng. Hai loại hình thờ cúng này quy chiếu con người về nguồn gốc và lịch sử của mình. Cộng đồng thờ thành hoàng bao gồm toàn thể cư dân của làng, ngoài các nông dân thì còn gồm các quan lại, kỳ hào trong làng. Giữ vị trí về mặt nghi lễ thường là các lý trưởng, xã trưởng, nhưng quyết định vận hành của cả lễ hội lại do các tổ chức trong làng đảm trách mà tiêu biểu là giáp. Theo Nguyễn Từ Chi, đơn vị hành chính giáp là một hình thức tổ chức ở làng xã dành riêng cho nam giới chính cư, có tính chất cha truyền con nối. Mặc dù giáp có diện mạo ít nhiều liên quan đến quan hệ láng giềng và huyết thống nhưng chủ yếu lấy quan hệ lớp tuổi làm nòng cốt<sup>60</sup>. Các giáp sẽ luân phiên, hoặc phân công các công việc liên quan trong ngày lễ thờ thành hoàng làng, trực tiếp tham gia phụ tế, rước kiệu, hậu cần, trò chơi.... Như ở làng Kim Sơn (Tân Trào), khi làng mới có một ngôi đình Đượng thì vẫn duy trì 3 giáp, thay nhau phụ trách công việc chung của làng, nhưng khi dân số tăng lên, làng lập thêm thôn Đoài, dựng đình Đoài thì làng cũng có thêm 4 giáp mới, điểm đặc biệt là các giáp lại được xếp theo phân bố dòng họ<sup>61</sup>... và vẫn luôn là lực lượng chính trong tổ chức thờ thần, hội làng, đồng thời giáp cũng chính là các phân đội tham gia thi đấu vật cầu hằng năm.

Trong lịch sử, có thể mượn tượng về cộng đồng thờ thành hoàng làng ở Hải Phòng qua hương ước làng, bao gồm những quy định về ứng xử trong làng, những việc tổ chức tế tự và kiêng kỵ đối với thành hoàng. Đó là cộng đồng có chung niềm tin, có chung thực hành và quy tắc ứng xử với vị thần thành hoàng nhằm thỏa mãn nhu cầu tôn giáo, nhưng đồng thời cũng điều chỉnh lối sống, trao truyền các giá trị sống của cộng đồng và an ninh tinh thần của tập thể. Hương ước của làng Đại Trà, Hương ước làng Hòa Liễu và Hương ước làng Kim Sơn ngoài các quy định về cơ cấu tổ chức, về ruộng đất, đê điều, phong tục cưới xin, ma chay thì còn có các quy định về chủ tế, thời gian tế tự, số tiền dùng cho lễ tế tự, thái độ ứng xử của con người... dù trải qua thời gian, nhưng vẫn luôn mang tính quy chuẩn, định hướng giá trị sống cho cộng đồng.

Đối với tín ngưỡng thành hoàng, ngoài cộng đồng làng xã gắn với ngôi đình, đền, miếu ... còn có *cộng đồng tín ngưỡng mở rộng*. Đó

chính là các cộng đồng liên làng cùng thờ chung một hoặc một số vị thành hoàng, thể hiện ở mối giao hiếu giữa các làng với nhau. Đình Lạc Viên (quận Ngô Quyền) thờ Ngô Vương Thiên Tử (tức Ngô Quyền) là vị thần chủ, phối thờ Đoàn Thượng, Phạm Tử Nghi và 3 vị thần khác<sup>62</sup>. Trong lịch sử, đình Lạc Viên có mối quan hệ giao hiếu với các làng ở gần cùng thờ Ngô Vương, Đông Hải Đoàn Thượng, Nam Hải Phạm Tử Nghi. Đặc biệt, sau này phải kể đến là “quan hệ giao hiếu giữa Lạc Viên với Đường Lâm, Sơn Tây – quê hương Ngô Vương và Bồ Cái Đại Vương ngày càng phát triển qua các cuộc hành hương, qua hình thức giúp đỡ lẫn nhau trong việc bảo tồn phát huy di sản văn hóa dân tộc”<sup>63</sup>. Đình Đông Ninh và đình Chàng Xuyên (Trình Xuyên) ở xã Tiên Minh cùng thờ 4 vị thành hoàng: Huy Thâu Trinh Thục công chúa, Ả Láng Phương Viên công chúa, Đoàn Dung Thục Diệu công chúa và Lý Xoa Kỳ đều là người Đông Ninh, làm tướng giúp vua Lê Đại Hành chống giặc ngoại xâm, nên trước Cách mạng tháng Tám 1945 có lệ giao hiếu<sup>64</sup>. Đình – chùa Dẹo ở thị trấn Núi Đèo (Thủy Nguyên) và đền Thượng Sơn ở Núi Hai, xã Thủy Đường cùng thờ thần núi Đức Thánh Sơn Đào trước đây đã có giao hiếu. Các đình ở 4 làng Đại Trà, Lạng Côn, Phong Cầu và Đức Phong có mối giao hiếu trong hội Pháo Đùng từ lâu, nhưng bị gián đoạn một thời gian dài, sau đó được phục hồi vào năm 1992 – 1994. Nhưng khi Chỉ thị 406-TTg ngày 8/8/1994 về cấm sản xuất, buôn bán và đốt pháo có hiệu lực kể từ ngày 01/01/1995 thì hoạt động giao hiếu của các làng cũng không còn được duy trì.

Có thể nói, đối với mỗi cộng đồng thờ thành hoàng ở Hải Phòng, thần thành hoàng chính là *ký ức lịch sử* và nghi lễ, hội, đám chính là *môi trường trao truyền văn hóa* giữa các thế hệ, tạo ra sự cộng cảm về tôn giáo, văn hóa của cộng đồng. Thờ thành hoàng không chỉ đáp ứng nhu cầu tôn giáo mà còn định hướng lối sống, điều tiết ứng xử, góp phần truyền bá và giáo dục giá trị cộng đồng, tạo ra an ninh tinh thần cho toàn cộng đồng.

### **Một vài nhận xét**

Trên cơ sở những dữ liệu thu thập được, có thể thấy rằng trước năm 1945, tín ngưỡng thờ thành hoàng ở Hải Phòng mang tính quan

phương - định chế, là hoạt động nghi lễ quan trọng trong cộng đồng làng xã, thuộc chế độ tế tự của nhà nước phong kiến. Khi triều đình phong kiến cuối cùng chấm dứt sự tồn tại, việc phong cấp cho thần linh không được tiếp tục, và chiến tranh cũng như những thay đổi lớn lao về ý thức hệ đã đặt ra những thử thách lớn. Giai đoạn 1945 – 1986 chứng kiến sự suy giảm sâu rộng của tín ngưỡng thờ thành hoàng ở Hải Phòng trên hầu hết các phương diện như bảo tồn cơ sở thờ cúng, thực hành nghi lễ, tổ chức lễ hội. Sâu xa hơn, niềm tin vào thần thành hoàng và cộng đồng thờ cúng cũng trải qua rất nhiều xáo trộn và mai một. Hệ quả là nhiều ngôi đình không còn giữ được nguyên vẹn hoặc biến mất; nhiều thần tích, thần sắc, tượng thờ, đồ thờ bị hư hao, mất mát; nhiều nghi lễ không còn giữ được nguyên bản trong khi ký ức của cộng đồng nhạt phai dần.

Tín ngưỡng thờ thành hoàng ở Hải Phòng ra đời và phát triển trong bối cảnh chung ở vùng đồng bằng Bắc Bộ nhưng gắn với lịch sử, văn hóa và sinh thái của địa phương, có sự thay đổi qua thời gian, dưới tác động của nhiều yếu tố chủ quan và khách quan trong từng giai đoạn lịch sử. Những thay đổi có tác động đáng kể có thể là sự thay đổi về chính sách của các nhà nước, về đơn vị hành chính, sự gia tăng dân số, thay đổi cơ cấu nghề nghiệp, biến đổi khí hậu, thiên tai địch họa, các quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa...

Tuy thế, có thể nói rằng, tín ngưỡng thờ thành hoàng ở Hải Phòng, dù có thể tạm thời bị ngắt quãng hoặc nhạt phai, vẫn là một mạch ngầm chảy trong tâm thức tôn giáo của người dân nơi đây. Những gì quan sát trong sự sôi động của đời sống tôn giáo, tín ngưỡng hôm nay ở Hải Phòng là sự tiếp nối mạch ngầm ấy. /.

---

#### CHÚ THÍCH:

- 1 Quốc Sử Quán triều Nguyễn (Viện Sử học dịch, 2006), *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, Quyển 17, Tập 3, tr. 437 – 438.
- 2 Viện Viễn Đông Bác Cổ & Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2003, Ban biên tập: Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin, Phan Văn Các, Lê Việt Nga, Dương Thị The), *Đông Khánh Dư Địa Chí*, Tập 1, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- 3 Ngô Đăng Lợi (2010), *Hải Phòng: Thành hoàng và lễ phàm*, Nxb. Dân Trí, Hà Nội, tr.15.

- 4 Cách dùng từ của Trần Quốc Vượng trong nghiên cứu trường hợp Hội An: Trần Quốc Vượng (2014), “Vị thế địa – lịch sử và bản sắc địa – văn hóa của Hội An”, in trong Trần Quốc Vượng (2014), *Trong cõi*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội, tr.129 - 144.
- 5 Viện Viễn Đông Bác Cổ & Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2003, Ban biên tập: Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin, Phan Văn Các, Lê Việt Nga, Dương Thị The), Sđd.
- 6 Theo truyền thuyết tại một số làng thờ Lý Hải ở huyện Kiến Thụy (Hàm Dương, Đông Lôi, Vĩnh Bảo, Nghi Dương) thì vị thần này chính là anh em kết nghĩa với tướng Đoàn Thượng, có công dẹp giặc biển đã tử trận nên được triều đình sắc phong là Tây Hải Đại Vương.
- 7 Nguyễn Văn Huyền (2003), “Góp phần nghiên cứu một vị thành hoàng Việt Nam: Lý Phục Man”, in trong: Nguyễn Văn Huyền (2003), *Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh – Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam (tập 1)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 445.
- 8 Theo cuốn *Thần phả an trang* có niên đại từ thời Lê, ghi chép tiểu sử Tuệ Tĩnh và cho rằng Tuệ Tĩnh (Phạm An Lư) chính là tổ tiên của họ Phạm.
- 9 Mai Kim Thanh (2017), “Truyền thuyết và lễ hội dân gian ở Kiến Thụy, Hải Phòng”, *Luận văn thạc sĩ ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam*, Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên, tr. 35.
- 10 Hội đồng Lịch sử Thành phố Hải Phòng (1990), *Địa chí Hải Phòng*, Tập 1, Xí nghiệp in Hải Phòng, tr. 163.
- 11 Ngô Đăng Lợi (2010), *Hải Phòng thành hoàng và lễ phả*, Nxb. Dân Trí, Hà Nội, tr. 97.
- 12 Ngô Đăng Lợi (2010), Sđd.
- 13 *Bách thần lục* (Nguyễn Văn Tuấn dịch chú, Dương Tuấn Anh hiệu đính, 2018), Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, tr. 20.
- 14 Gồm có: Trần Công (Minh Kha), Đào Tế (Nghĩa Dụ), Quảng Tế cư sĩ (Hà Liễn), Thánh Chu Chu Vương (Lạng Côn), Phạm Công Tử (Cầm Hoàn), Đô Thống (Cầm Khê), Phô Tế cư sĩ (Bằng Đán), Phạm Quý Vệ (xã Tiên Lãng), Đào Lang (xã Cang Nha), Trần Triều Đại Liêu Ban Khai Nội Hầu Quốc Công (Thường Sơn).
- 15 Nguyễn Duy Hình (1996), *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 507 – 508.
- 16 Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng (2019), Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 *Về việc phê duyệt Danh mục kiểm kê di tích có giá trị lịch sử- văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Hải Phòng*.
- 17 Phùng Ngọc Trung (2018), *Tín ngưỡng thờ Ngô Quyền ở Thành phố Hải Phòng*, Luận Văn thạc sĩ, Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội, tr. 5.  
Xem tại: [https://repository.vnu.edu.vn/flowpaper/simple\\_document.php?subfolder=57/17/31/&doc=5717311393567649449717974186345540487](https://repository.vnu.edu.vn/flowpaper/simple_document.php?subfolder=57/17/31/&doc=5717311393567649449717974186345540487)

- 0&bitsid=9af58f3d-922f-443a-aba6-eb0f55b363db&uid=. Truy cập: 10/5/2021).
- 18 Dẫn theo: Ngô Đăng Lợi (2010), Sđd, tr. 91 – 92.
  - 19 Các vị thần được thờ gồm: Linh ứng Cương Nghị Đại Vương, Duyên Nghị Khoan Hòa Đại Vương, Mỹ Ngọc Yêu Diệu Đoan Dong Đào Hoa Phi Tiên Công Chúa.
  - 20 Văn Duy, Lê Xuân Lự (2012), Sđd, tr. 190.
  - 21 Các thần được sắc phong ở làng Đại Trà, gồm: Chu Xích Công, Trần Quốc Thi và Thái Kính Phi Công Chúa Phúc Thần Tôn Thần, Tả Hữu Kim Ngân Nhị Đế Anh Linh Tôn Thần, Tả Hữu Thái Phi Hoàng Hậu Tôn Thần, Hồng Vũ Linh Ứng Nhị Vị Tôn Thần, Cao Sơn đương Xã Bạch Hồ Uy Linh Thiên Tướng Chi Thần, Nam Hải Đại Vương...
  - 22 Nguyễn Duy Hình (1996), Sđd, tr. 126.
  - 23 Niên đại từ năm Vĩnh Khánh (1730), Cảnh Hưng (1784), Quang Trung (1790), Cảnh Thịnh (1793), cho đến các đời vua Nguyễn (Tự Đức, Khải Định, Đồng Khánh, Thành Thái, Duy Tân).
  - 24 Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng (2019), Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 Về việc phê duyệt Danh mục kiểm kê di tích có giá trị lịch sử- văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn Thành phố Hải Phòng.
  - 25 Dẫn theo: Ngô Đăng Lợi (2010), Sđd, tr. 93.
  - 26 Nguyễn Duy Hình (1996), Sđd, tr. 174.
  - 27 Phan Kế Bính (2006), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr. 90.
  - 28 Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr. 248.
  - 29 Xem thêm: Hà Văn Tấn (2005), “Làng, liên làng và siêu làng (mấy suy nghĩ về phương pháp)”, in trong: Hà Văn Tấn (2005), *Đến với lịch sử văn hóa Việt Nam*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
  - 30 Pierre Gourou (Hội KHLN Việt Nam dịch - 2004), *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*, Nxb. Trẻ, Hà Nội, tr. 244.
  - 31 Trung tâm Khoa học Xã hội Nhân văn Hải phòng (2002), *Một số di sản văn hóa tiêu biểu của Hải Phòng*, Tập 2, Nxb. Hải Phòng, tr. 144.
  - 32 Xem thêm: Nguyễn Công Thảo (2009), “Sự biến mất của những bóng ma tiếp cận dưới cái nhìn nhân học sinh thái”, in trong Nhiều tác giả (2009), *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới, tr. 203-226.
  - 33 Trung tâm Khoa học Xã hội Nhân văn Hải phòng (2002), Sđd, tr. 88-89.
  - 34 Trung tâm Khoa học Xã hội Nhân văn Hải phòng (2002), Sđd, tr. 120.
  - 35 Nguyễn Công Thảo (2009), “Sự biến mất của những bóng ma tiếp cận dưới cái nhìn nhân học sinh thái”, in trong Nhiều tác giả (2009), *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 215 - 217

- 36 *Thần tích – thần sắc làng Đại Trà, tổng Đại Trà, phủ Kiến Thụy, tỉnh Kiến An*, lưu trữ tại Viện Thông tin Khoa học Xã hội (1995).
- 37 Trích theo: “*Tóm tắt nội dung di tích Đền – Chùa Hòa Liễu, xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng – Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia*” là tài liệu do UBND xã Thuận Thiên chỉ đạo Ban Văn hóa xã và Ban Quản lý Di tích lịch sử văn hóa Đền – Chùa Hòa Liễu nhờ cụ Phạm Đăng Khoa biên soạn, năm 2008, có dấu và chữ ký của chủ tịch UBND xã Thuận Thiên lúc bấy giờ là ông Đào Văn Suy. Tài liệu do cụ Phạm Đăng Khoa cung cấp, tr. 10.
- 38 Thần thành hoàng Thiên Quang Đại Vương là tên hiệu được ghi trong *Bản văn tế cổ bằng chữ Hán* còn lưu ở làng Hòa Liễu. Ngoài ra, các cụ cao niên trong làng còn lưu lại phần phiên âm, dịch nghĩa bản sắc phong thần ở miếu (Bản chữ Hán đã mất) trong đó ghi tên hiệu của thần là Túy Mục Dục Bảo Trung Hưng Thượng Đẳng Thần, nhưng không rõ tiểu sử và lai lịch của thần.
- 39 Trung tâm Khoa học Xã hội Nhân văn Hải phòng (2002), Sđd, tr. 65.
- 40 Trung tâm Khoa học Xã hội Nhân văn Hải phòng (2002), Sđd, tr. 125 – 126.
- 41 PVS: N.V.T (Nam, 73 tuổi, thôn Đại Trà, xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng).
- 42 Số liệu được dẫn theo: Ngô Đăng Lợi (2010), Sđd, tr. 92.
- 43 Hoàng Văn Lâu (1992), “Di sản Hán Nôm tại huyện Kiến Thụy, Hải Phòng”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (13).
- 44 Hương ước cũ là các hương ước/ khoán ước được viết trong giao đoạn trước năm 1900, thường do Hội Tư văn trong làng xã thực hiện; *Hương ước cải lương* hay còn gọi là *Cải lương hương chính* gắn với quá trình Thực dân Pháp tìm cách can thiệp vào hệ thống tự quản làng xã ở nước ta nhằm điều chỉnh, chi phối hoạt động của đơn vị hành chính cơ sở này, vào khoảng những thập niên đầu thế kỷ XX.
- 45 *Sổ Hương Ước Làng Đại Trà (1935)*. Bản lưu tại Viện Thông tin Khoa học xã hội Việt Nam
- 46 PVS ông N.X.M (nam, 80 tuổi), thôn Đại Trà, xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng.
- 47 Ngô Đăng Lợi (2010), Sđd.
- 48 Trịnh Minh Hiên (2011), *Lễ hội truyền thống Hải Phòng*, Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, tr. 29.
- 49 Trịnh Minh Hiên (2011), Sđd, tr. 66.
- 50 PVS: N.V.N (nam, 76 tuổi), thôn Đại Trà, xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng.
- 51 Văn Duy, Lê Xuân Lự (2012), Sđd, tr. 214.
- 52 PVS: P.V.T ( nam, 84 tuổi), thôn Kỳ Sơn, xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng.
- 53 Viện Thông tin Khoa học Xã hội (1995), Tlđd.

- 54 Trần Quốc Vượng (Chủ biên, 2010), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr. 46.
- 55 Xem thêm: Nguyễn Từ Chi (2003), Sđ d, tr. 275 – 276.
- 56 Đào Duy Anh (2005), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr. 143 - 144.
- 57 Nguyễn Từ Chi (2003), Sđd, tr. 279.
- 58 Theo: “*Tóm tắt nội dung di tích Đền – Chùa Hòa Liễu, xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng – Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia*”, Tlđđ, tr. 9 -10.
- 59 Xem thêm: Phan Đại Doãn (2006), “Thiết chế truyền thống làng Việt trong hệ thống chính trị ngày nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 11, năm 2006, tr. 3 – 9.
- 60 Xem thêm: Nguyễn Từ Chi (2003), “Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ”, in trong Nguyễn Từ Chi (2003), *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 224 – 355.
- 61 Dựa theo gia phả của các dòng họ đầu tiên về cư trú ở Kim Sơn (như họ Phạm, họ Mạc) thì đã có khoảng 15 – 16 đời sinh sống ở đất Kim Sơn và một số tư liệu khác có thể phỏng đoán làng Kim Sơn được lập cách nay khoảng hơn 600 năm (khoảng 1388 – 1400). Thôn Đượng có 3 Giáp với 4 dòng họ: Đoàn Đắc, Đoàn Quang, Đinh Văn, Đỗ Văn. Thôn Đoài có 4 Giáp với 13 dòng họ: Nguyễn Hữu, Nguyễn Duy, Nguyễn Quý, Nguyễn Đức, Đặng Kim, Đặng Quang, Đặng Bá, Đặng Trinh, Bùi Xuân, Nguyễn Xuân, Vũ Thế, Vũ Công.
- 62 Ba vị được phối thờ là: Hồng Ninh Trung Tông Hoàng Đế, Nam Dương Đế Nhất Quý Nương Minh Diệu, Phụ Quốc Tuấn Sát Đông Hải Sứ Giả.
- 63 Trung tâm Khoa học Xã hội Nhân văn Hải phòng (2002), Sđd, tr. 92.
- 64 Đào Tô Uyên (2001), “Thành hoàng làng Kiềm Hồ là vua Lê Thái Tổ”, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 91, tr. 19 – 21.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội
2. Phan Kế Bính (2006), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội
3. *Bách thân lục* (Nguyễn Văn Tuấn dịch chú, Dương Tuấn Anh hiệu đính, 2018), Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Nguyễn Từ Chi (2003), “Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ”, in trong Nguyễn Từ Chi (2003), *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
5. Phan Đại Doãn (2006), “Thiết chế truyền thống làng Việt trong hệ thống chính trị ngày nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 11.
6. Hội đồng Lịch sử Thành phố Hải Phòng (1990), *Địa chí Hải Phòng*, Tập 1, Xí nghiệp in Hải Phòng.

7. Văn Duy, Lê Xuân Lự (2012), *Văn hóa dân gian vùng ven sông Bạch Đằng huyện Thủy Nguyên - Hải Phòng*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
8. Trịnh Minh Hiên (2011), *Lễ hội truyền thống Hải Phòng*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
9. Nguyễn Duy Hình (1996), *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Huyền (2003), “Góp phần nghiên cứu một vị thành hoàng Việt Nam: Lý Phục Man”, in trong: Nguyễn Văn Huyền (2003), *Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh – Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam (tập 1)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Hoàng Văn Lâu (1992), “Di sản Hán Nôm tại huyện Kiến Thụy, Hải Phòng”, *Tạp chí Hán Nôm*, Hà Nội, số 2 (13).
12. Ngô Đăng Lợi (2010), *Hải Phòng: Thành hoàng và lễ phẩm*, Nxb. Dân trí, Hà Nội.
13. Pierre Gourou (Hội KHLN Việt Nam dịch - 2004), *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
14. Quốc Sử quán triều Nguyễn (Viện Sử học dịch, 2006), *Đại Nam nhất thống chí*, Quyển 17, Tập 3, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
15. Tài liệu: *Sổ Hương Ước Làng Đại Trà* (1935). Bản lưu tại Viện Thông tin Khoa học Xã hội.
16. Tài liệu: *Thần tích – thần sắc làng Đại Trà, tổng Đại Trà, phủ Kiến Thụy, tỉnh Kiến An* lưu tại: Viện Thông tin Khoa học Xã hội (1995).
17. Tài liệu: “*Tóm tắt nội dung di tích Đền – Chùa Hòa Liễu, xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng – Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia*” là tài liệu do UBND xã Thuận Thiên chỉ đạo Ban Văn hóa xã và Ban Quản lý Di tích lịch sử văn hóa Đền – Chùa Hòa Liễu nhờ cụ Phạm Đăng Khoa biên soạn, năm 2008, có dấu và chữ ký của chủ tịch UBND xã Thuận Thiên lúc bấy giờ là ông Đào Văn Suy. Tài liệu do cụ Phạm Đăng Khoa cung cấp.
18. Hà Văn Tấn (2005), “Làng, liên làng và siêu làng (mấy suy nghĩ về phương pháp)”, in trong: Hà Văn Tấn (2005), *Đến với lịch sử văn hóa Việt Nam*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
19. Nguyễn Công Thảo (2009), “Sự biến mất của những bóng ma tiếp cận dưới cái nhìn nhân học sinh thái”, in trong Nhiều tác giả (2009), *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
20. Mai Kim Thanh (2017), *Truyền thuyết và lễ hội dân gian ở Kiến Thụy, Hải Phòng*, Luận văn thạc sĩ ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam, Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên.
21. Trung tâm Khoa học Xã hội Nhân văn Hải phòng (2002), *Một số di sản văn hóa tiêu biểu của Hải Phòng*, Tập 2, Nxb. Hải Phòng
22. Phùng Ngọc Trung (2018), *Tín ngưỡng thờ Ngõ Quyền ở thành phố Hải Phòng*, Luận Văn thạc sĩ, Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội.

23. Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng (2019), Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 *Về việc phê duyệt Danh mục kiểm kê di tích có giá trị lịch sử- văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn Thành phố Hải Phòng.*
24. Đào Tô Uyên (2001), “Thành hoàng làng Kiếm Hồ là vua Lê Thái Tổ”, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 91.
25. Viện Viễn Đông Bác Cổ & Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2003, Ban biên tập: Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin, Phan Văn Các, Lê Việt Nga, Dương Thị The), *Đông Khánh Dư Địa Chí*, Tập 1, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
26. Trần Quốc Vượng (2014), “Vị thế địa – lịch sử và bản sắc địa – văn hóa của Hội An”, in trong Trần Quốc Vượng (2014), *Trong cõi*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội, tr. 129 – 144.
27. Trần Quốc Vượng (Chủ biên, 2010), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

### **Abstract**

#### **AN OVERVIEW OF THE TUTELARY DEITY WORSHIP IN HAI PHONG BEFORE INNOVATION IN 1986**

**Vu Thanh Bang**

*Institute for Religious Studies, VASS*

It often has difficulties in studying the history of religions and beliefs because of the discontinuity of time and sources of material, however, it is necessary because it contributes to pointing out the historical characteristics and the movement and development trends that have occurred in the past. Based on historical sources, survey materials, people’s memories, and research of previous scholars, this article shed a light on the belief of the tutelary deity in Hai Phong in the pre-innovation period (1986) on the basic aspects including beliefs and objects of worship, place of worship, and the rituals practices of the community.

**Keywords:** Belief; Worship; tutelary; Hai Phong; before 1986.